

Số: 539/QĐ-CN-TÁC�

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định phòng thử nghiệm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm

CỤC TRƯỞNG CỤC CHĂN NUÔI

Căn cứ Quyết định số 665/2014/QĐ- BNN-TCCB ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 16/2011/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đánh giá, chỉ định và quản lý phòng thử nghiệm ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và Thông tư số 54/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về yêu cầu năng lực phòng thử nghiệm về chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và muối;

Căn cứ Hồ sơ đăng ký chỉ định lại phòng thử nghiệm; Biên bản đánh giá phòng thử nghiệm ngày 15/6/2016 và báo cáo khắc phục sau đánh giá của Trung tâm Chất lượng Nông lâm Thủy sản vùng 1;

Căn cứ Công văn số 552/KHCN ngày 29/6/2016 của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường về cấp mã số phòng thử nghiệm;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thức ăn chăn nuôi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định lại Phòng Kiểm nghiệm - Trung tâm Chất lượng Nông lâm Thủy sản vùng 1 (Địa chỉ: Số 51 Lê Lai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Điện thoại: 0313.759.726) là phòng thử nghiệm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm. Chi tiết các phép thử được chỉ định nêu tại Phụ lục đính kèm.

Mã số phòng thử nghiệm: **LAS - NN 63**

Điều 2. Phòng thử nghiệm nêu tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định nêu tại Điều 24 Thông tư số 16/2011/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đánh giá, chỉ định và quản lý phòng thử nghiệm nông nghiệp và phát triển nông thôn và các quy định hiện hành có liên quan.

Điều 3. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là 03 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Thức ăn chăn nuôi, Thủ trưởng đơn vị có tên nêu tại Điều 1, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ KHCN và MT;
- TT Tin học và Thống kê;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TÁC�.

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

(đã ký)

Nguyễn Xuân Dương

PHỤ LỤC

Danh mục các phép thử được chỉ định của Phòng Kiểm nghiệm - Trung tâm Chất lượng Nông lâm Thủy sản vùng 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CN-TÁC/N ngày tháng 7 năm 2016
của Cục trưởng Cục Chăn nuôi)

TT	Tên phép thử	Giới hạn phát hiện (nếu có)/Phạm vi đo	Phương pháp thử
1	Xác định hàm lượng ẩm	-	NMKL No.23.1991
2	Xác định hàm lượng tro	-	NMKL No.23.1991 NMKL No.173.2005
3	Xác định hàm lượng muối chloride	-	AOAC 937.09-2007
4	Xác định hàm lượng canxi	-	AOAC 927.02-2007
5	Xác định hàm lượng Aflatoxins (G1; G2; B1; B2)	G1: 0,5 ppb G2: 0,5 ppb B1: 0,3 ppb B2: ppb	05.2/CL1/ST 03.44 (HPLC-FLD)
6	Xác định hàm lượng phốt pho	-	NMKL No.57.1994
7	Xác định hàm lượng cát sạn	-	ISO 5985 - 2002
8	Xác định hàm lượng nitrogen và tính protein tổng số	-	TCVN 8133-2:2011
9	Xác định hàm lượng Salbutamol, Clenbuterol, Ractopamine	0,5 ppb	05.2/CL1/ST 03.75 (LC-MS/MS)
10	Xác định hàm lượng kim loại (Cu, As, Cd, Pb, Hg, Ni, Zn)	As, Cd, Pb: 0,010 ppm Hg: 0,005 ppm Cu, Ni: 0,200 ppm Zn: 1,900 ppm	05.2/CL1/ST 03.67 (ICP-MS)
11	Xác định hàm lượng Auramine O	5,0 ppb	05.2/CL1/ST 03.87 (LC-MS/MS)
12	Xác định hàm lượng Ethoxyquin	0,01 ppm	05.2/CL1/ST 03.63 (GC/MS)
13	Xác định vi sinh vật hiếu khí	10 CFU/g	TCVN 4884:2005
14	Xác định <i>Coliforms</i>	10 CFU/g 0,2 MPN/g	TCVN 6848:2007 TCVN 4882:2007
15	Xác định E.coli	10 CFU/g 0,2 MPN/g	TCVN 7924-2:2008 TCVN 6846:2007
16	Xác định <i>Staphylococcus aureus</i>	10 CFU/g 0,2 MPN/g	TCVN 4830 - 1,2: 2005
17	Xác định <i>Salmonella spp.</i>	PH hoặc KPH/25 g	TCVN 4829:2005
18	Định lượng <i>Clostridium perfringens</i>	10 CFU/g	TCVN 4991:2005

PH: Phát hiện, KPH: Không phát hiện